CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài

Ngày 30/06/2025	110,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.5%	**-2.4%**	**-4.6%**

DT thuần
Q2/25
280
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 39.0| 16.4%
YoY: ▲ 61.0| 28.0%

LN thuần
Q2/25
107
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 26.3| 32.5%
YoY: ▲ 26.5| 32.8%

LN sau thuế
Q2/25
85.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.0| 32.6%
YoY: ▲ 21.4| 33.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
38.1%
YoY: +/-▲ 4.7%

ROE (TTM)
Q2/25
49.7%
YoY: +/-▼ 1.2%

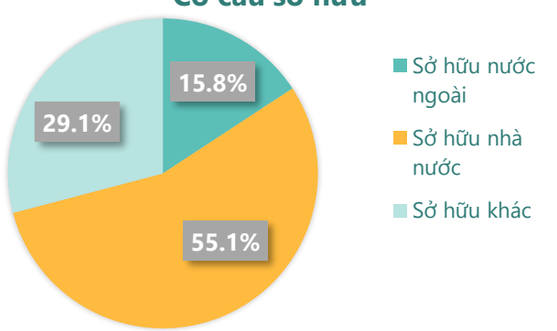
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	94,200 - 122,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,891
Số lượng CPLH (CP)	26,165,732
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,675
Sở hữu nước ngoài	15.8%
Beta	0.72
EPS	11,561
P/E	9.6

DT thuần
6T 2025
522
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 117| 28.9%

LN thuần
6T 2025
188
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 45.0| 31.0%

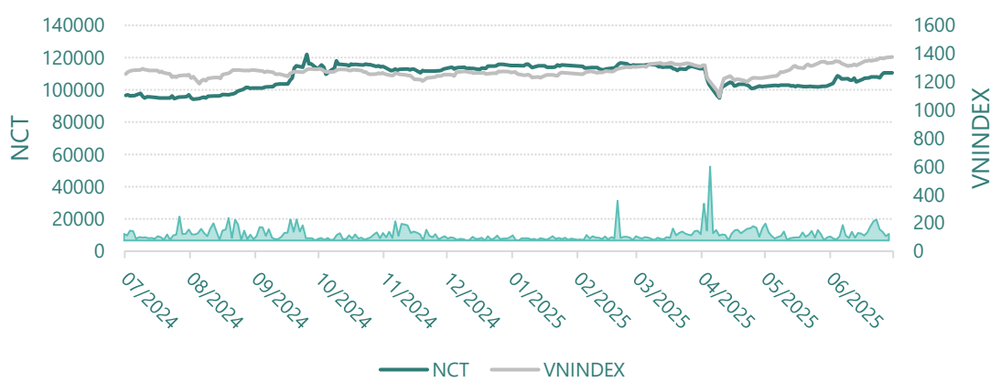
LN sau thuế
6T 2025
150
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.0| 31.6%

Cơ cấu sở hữu

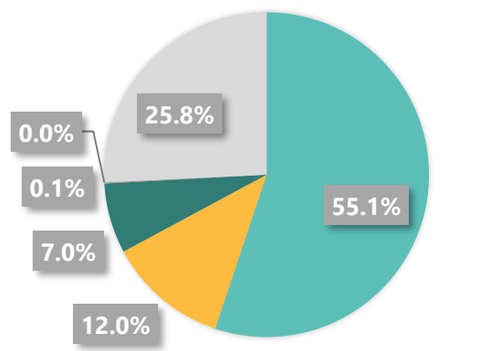


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

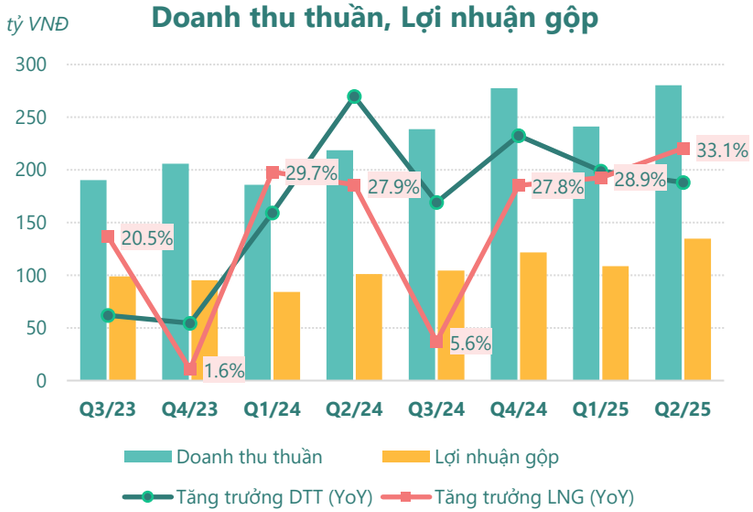


- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
- America LLC
- CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài
- Nguyễn Giang Tiến (Thành viên HĐQT)
- Đinh Trọng Sơn (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

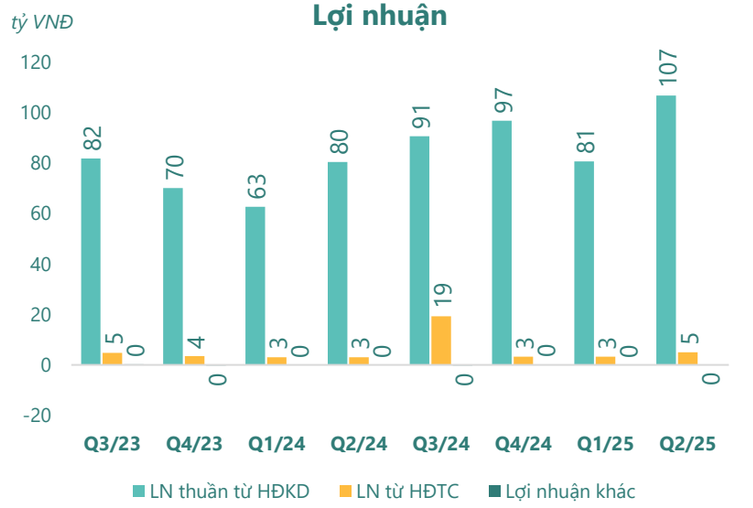
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



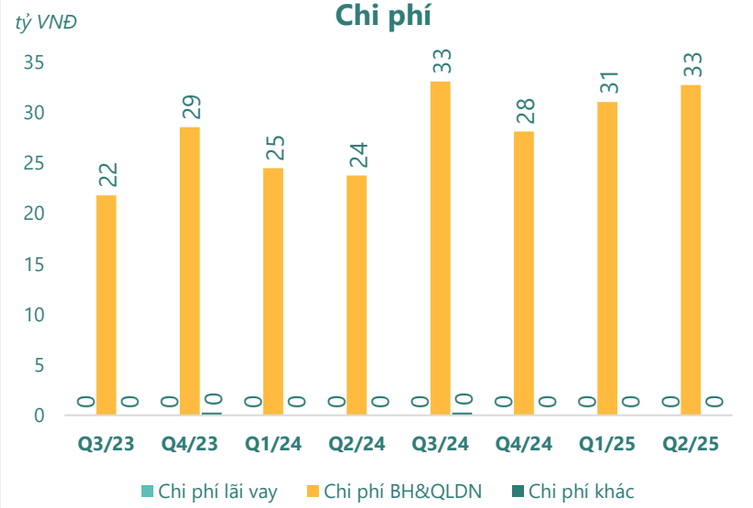
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



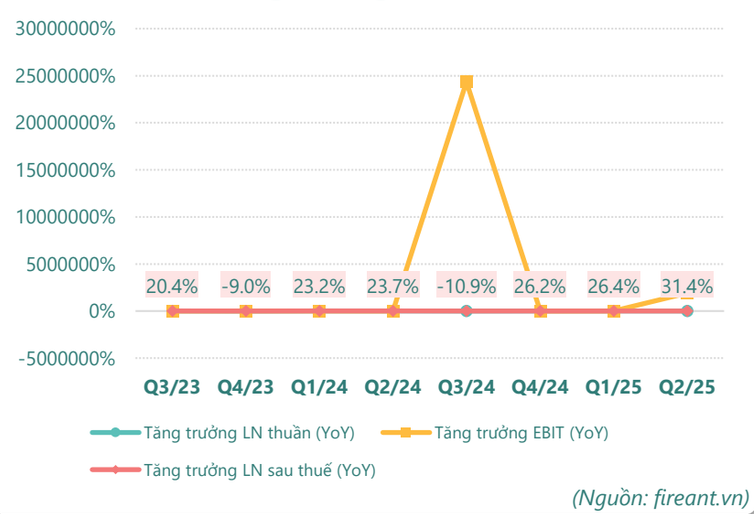
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



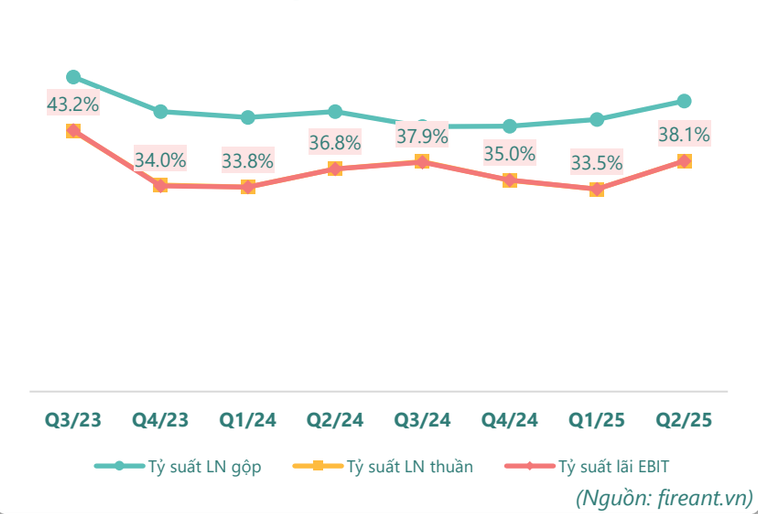
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

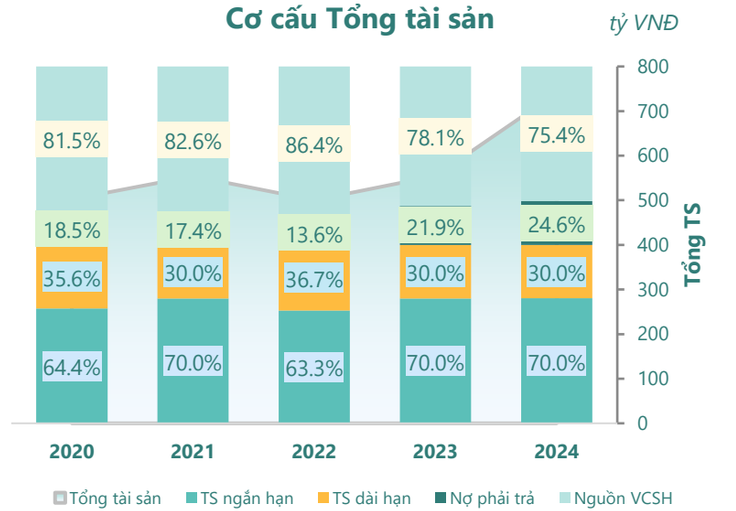
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

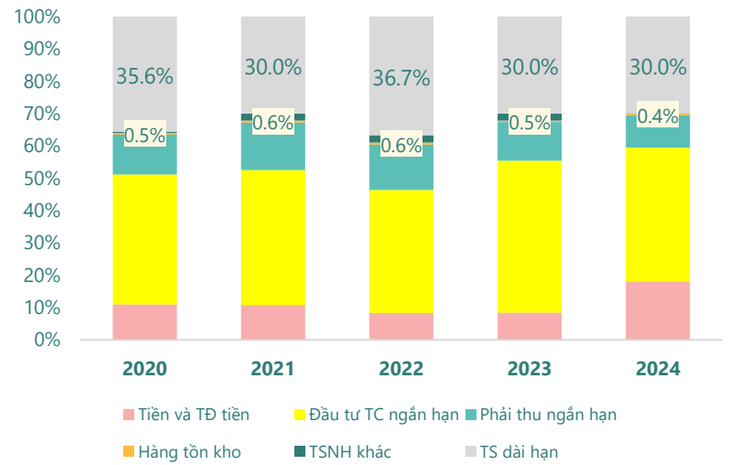
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



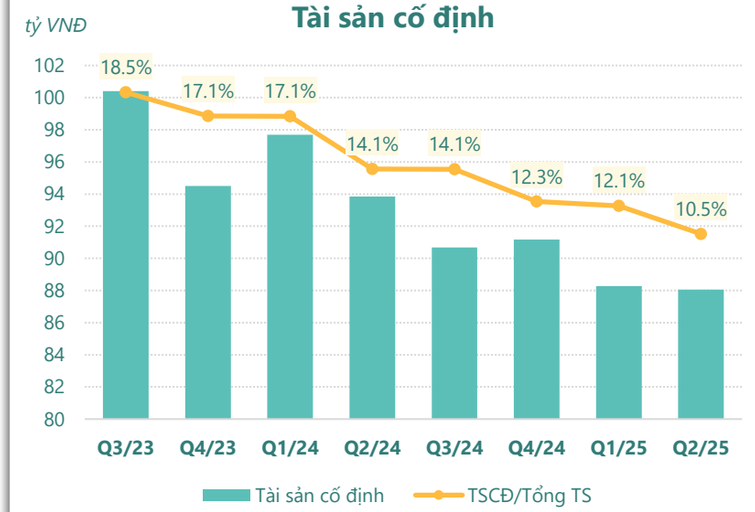
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



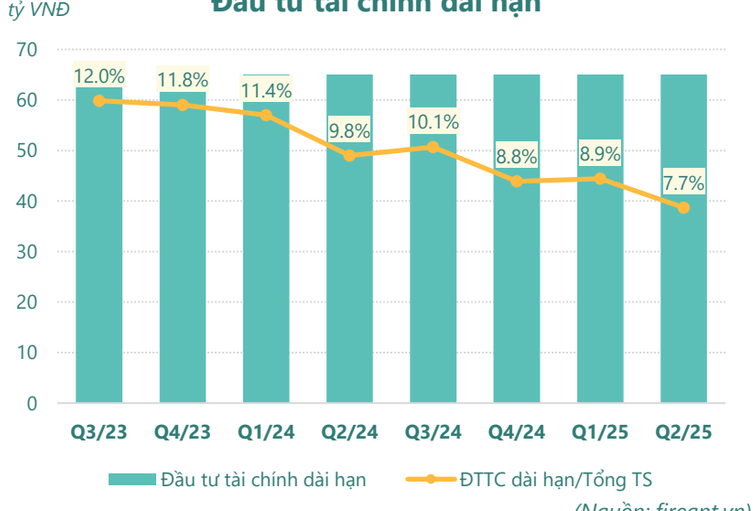
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



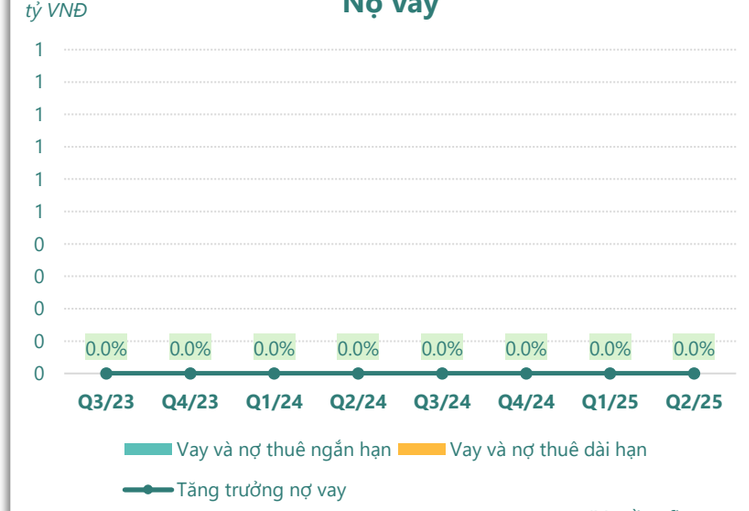
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

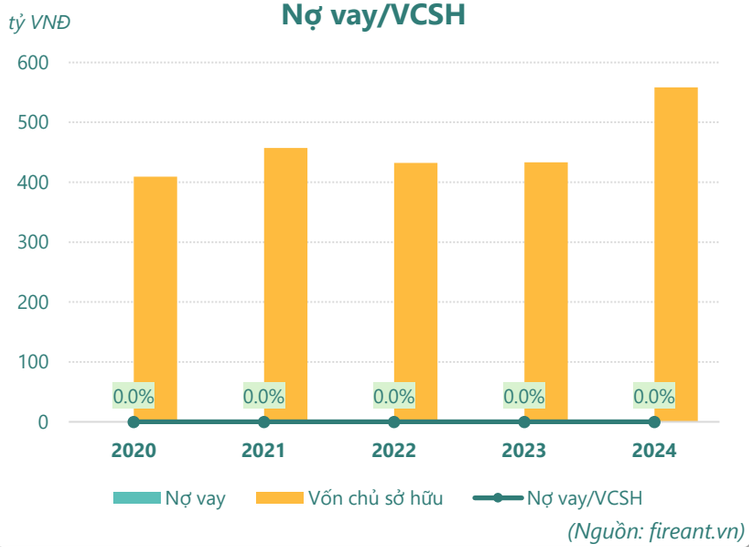
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

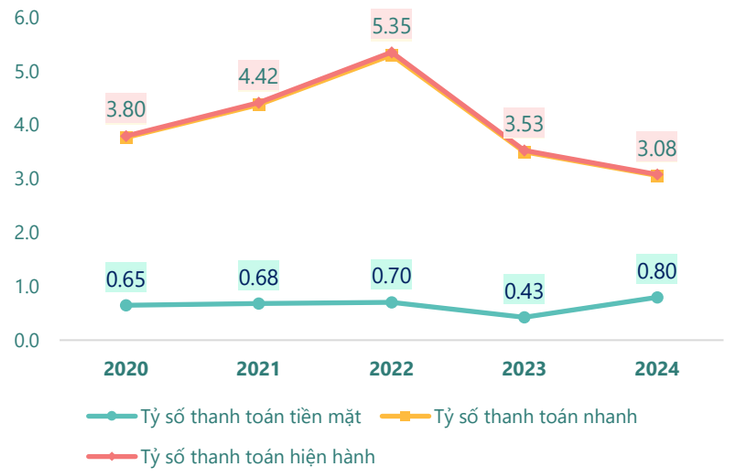
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



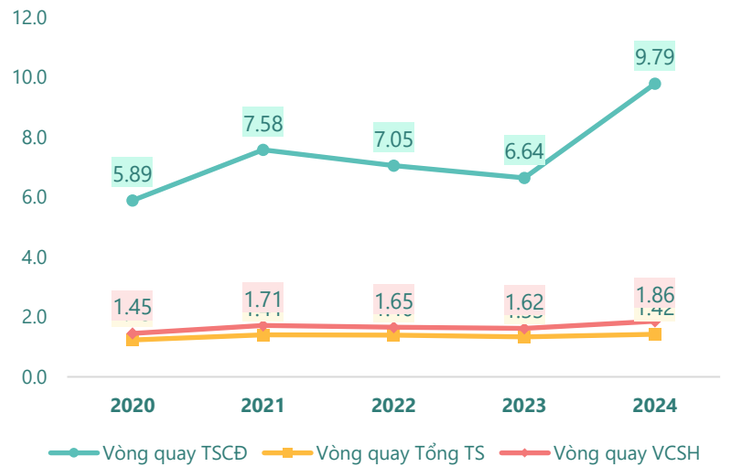
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



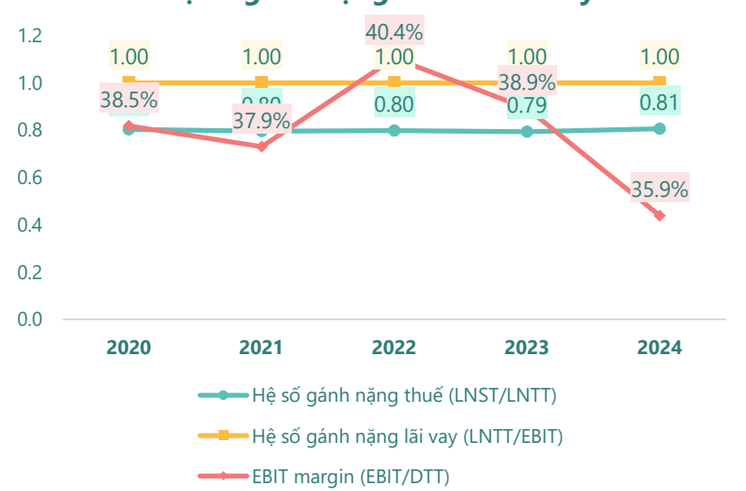
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



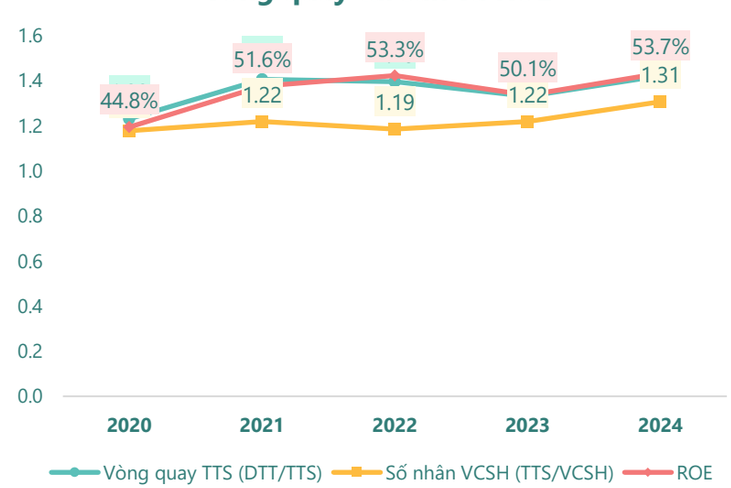
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



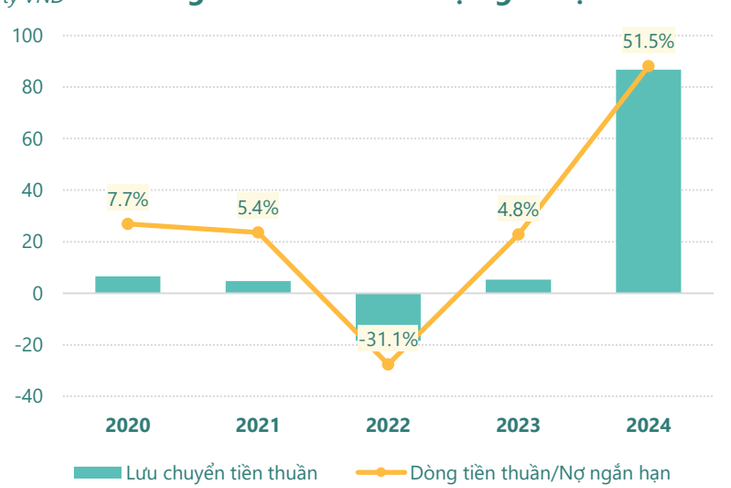
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**280**	**219**	**28.0%**	**522**	**405**	**28.9%**
Giá vốn hàng bán	146	118	23.5%	278	219	27.1%
Lợi nhuận gộp	135	101	33.4%	243	185	31.2%
Doanh thu HĐTC	5.06	3.08	64.1%	8.36	6.17	35.5%
Chi phí TC	0.03	0.03	-12.5%	0.04	0.05	-8.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.31	4.07	55.0%	11.5	8.11	41.9%
Chi phí QLDN	**26.5**	**19.7**	**34.4%**	**52.4**	**40.2**	**30.2%**
LN thuần từ HĐKD	107	80.5	32.8%	188	143	31.0%
Lợi nhuận khác	**-0.02**	**0.00**		**-0.02**	**0.00**	**-15506%**
LN trước thuế	107	80.5	32.8%	188	143	31.0%
Lợi nhuận sau thuế	**85.4**	**64.0**	**33.4%**	**150**	**114**	**31.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**85.4**	**64.0**	**33.4%**	**150**	**114**	**31.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.4	91.5	32.5	98.8	7.12	116
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.1	17.9	-29.3	-12.2	-20.2	-105
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.16	0	-131	0	0	0
Tiền đầu kỳ	46.8	65.1	175	47.6	134	122
Lưu chuyển tiền thuần	**18.2**	**109**	**-128**	**86.5**	**-13.1**	**11.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.08	0.22	0.34	0.01	0.69	-0.22
Tiền cuối kỳ	65.1	175	47.6	134	122	133

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**841**	**741**	**13.5%**
Tài sản ngắn hạn	635	519	22.4%
Tiền và tương đương tiền	133	134	-0.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	416	306	35.7%
Phải thu ngắn hạn	80.6	74.8	7.8%
Hàng tồn kho	2.65	3.16	-16.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.98	0.38	686%
Tài sản dài hạn	**206**	**222**	**-7.4%**
Phải thu dài hạn	1.15	1.07	7.5%
Tài sản cố định	88.1	91.2	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	65.0	65.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**51.4**	**64.8**	**-20.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	159	183	-13.0%
Nợ ngắn hạn	**143**	**168**	**-14.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	14.7	28.5	-48.6%
Nợ dài hạn	15.4	14.1	9.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**682**	**558**	**22.1%**
Vốn chủ sở hữu	**682**	**558**	**22.1%**
Vốn điều lệ	262	262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)